

PHÁP LỆNH

BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Để nâng cao trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ trang, đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế và công dân trong việc bảo vệ bí mật Nhà nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

Căn cứ vào Điều 78 và Điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Pháp lệnh này quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Bí mật Nhà nước là những tin tức về vụ, việc, tài liệu, địa điểm, vật, lời nói có nội dung quan trọng thuộc các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, khoa học, công nghệ hoặc các lĩnh vực khác mà Nhà nước chưa công bố hoặc không công bố và nếu bị tiết lộ, thì gây nguy hại cho Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2

Bảo vệ bí mật Nhà nước là nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Các cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ trang, đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế và mọi công dân đều có nghĩa vụ bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 3

Nghiêm cấm mọi hành vi làm lộ, dò xét, chiếm đoạt bí mật Nhà nước.

Việc tiếp xúc, bảo quản và xử lý bí mật Nhà nước phải được thực hiện theo chế độ do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Điều 4

Nghiêm cấm việc lạm dụng bảo vệ bí mật Nhà nước để che giấu hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức và công dân hoặc làm cản trở việc thực hiện kế hoạch Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội.

CHƯƠNG II

PHẠM VI BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Điều 5

Căn cứ vào tính chất quan trọng, các tin tức thuộc phạm vi bí mật Nhà nước được chia ba mức độ: Tuyệt mật, Tối mật và Mật.

Điều 6

Những tin tức trong phạm vi sau đây thuộc độ Tuyệt mật:

- 1- Kế hoạch chiến lược phòng thủ đất nước; kế hoạch động viên đối phó với chiến tranh; các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh có ý nghĩa quyết định khả năng phòng thủ đất nước;
- 2- Các chủ trương, chính sách về đối nội, đối ngoại chưa công bố hoặc không công bố.

Những tin tức của nước ngoài hoặc của các tổ chức quốc tế chuyển giao cho Việt Nam mà theo yêu cầu của bên giao hoặc được Hội đồng bộ trưởng xác định thuộc độ Tuyệt mật;

- 3- Tổ chức và hoạt động tình báo, phản gián;
- 4- Mật mã quốc gia;
- 5- Dự trữ chiến lược quốc gia; các số liệu dự toán, quyết toán ngân sách Nhà nước về những lĩnh vực chưa công bố hoặc không công bố; kế hoạch phát hành tiền tệ, khoá an toàn của từng mẫu tiền; phương án, kế hoạch thu đổi tiền chưa công bố;
- 6- Các khu vực cấm mà Hội đồng bộ trưởng xác định thuộc độ Tuyệt mật.

Điều 7

Những tin tức trong phạm vi sau đây thuộc độ Tối mật:

- 1- Các cuộc đàm phán về chính trị, quốc phòng, an ninh quốc gia, kinh tế, khoa học, công nghệ và các lĩnh vực khác giữa nước ta với nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế chưa công bố.

Những tin tức của nước ngoài hoặc của các tổ chức quốc tế chuyển giao cho Việt Nam mà theo yêu cầu của bên giao hoặc được Hội đồng bộ trưởng xác định thuộc độ Tối mật;

- 2- Tổ chức, trang bị, phương án tác chiến của các đơn vị vũ trang; phương án vận chuyển và cất giữ vũ khí; công trình quan trọng phòng thủ biên giới, vùng trời, vùng biển, hải đảo;

3- Tài liệu về đường biên giới chưa công bố.

Bản đồ quân sự; tọa độ điểm hạng I, hạng II Nhà nước của mạng lưới quốc gia hoàn chỉnh cùng với các ghi chú đi kèm theo.

Vị trí và trị số cao độ các mốc chính của các trạm khí tượng; thủy văn, hải văn; số liệu, độ cao số không tuyệt đối của các mốc hải văn;

4- Số liệu tuyệt đối về thu chi ngân sách Nhà nước chưa công bố.

Số lượng tiền in, phát hành; tiền dự trữ bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ; các số liệu về bội chi, lạm phát tiền mặt chưa công bố;

Phương án giá Nhà nước chưa công bố;

5- Nơi lưu giữ và số lượng kim loại quý hiếm, đá quý, ngoại hối và vật quý hiếm khác của Nhà nước.

Địa điểm, trữ lượng của các mỏ kim loại, phi kim loại quý hiếm, chất phóng xạ chưa công bố;

6- Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích, bí quyết nghề nghiệp đặc biệt quan trọng đối với quốc phòng, an ninh quốc gia, kinh tế, khoa học, công nghệ chưa công bố;

7- Kế hoạch xuất nhập khẩu các mặt hàng giữ vị trí trọng yếu trong việc phát triển tiềm năng kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 8

Bí mật Nhà nước trong các lĩnh vực công tác của các cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ trang, đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế ngoài phạm vi được quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Pháp lệnh này, thì thuộc độ Mật.

Điều 9

Việc xác định, thay đổi độ mật và việc giải mật đối với từng bí mật Nhà nước phải được tiến hành theo thẩm quyền và thủ tục được quy định tại khoản 1 Điều 11 và khoản 2 Điều 14 của Pháp lệnh này.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

Điều 10

Hội đồng bộ trưởng thống nhất quản lý Nhà nước về bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 11